

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH
GIỮA NIÊN ĐỘ
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
KẾT THÚC NGÀY 30/06/2016**

CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Được soát xét bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG – T.D.K

M.S.D.

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 – 2
2	Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	3 – 4
3	Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	
	<i>Bảng cân đối kế toán giữa niên độ</i>	5 – 6
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ</i>	7
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ</i>	8
	<i>Bàn thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ</i>	9 – 25



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận (sau đây viết tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600802882 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp lần đầu vào ngày 22 tháng 04 năm 2010, thay đổi lần thứ 14 ngày 23 tháng 11 năm 2015.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là: Khai thác, kinh doanh kim loại và các quặng kim loại

Trụ sở chính của Công ty: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Vốn điều lệ của Công ty: 934.273.600.000 VND.

Hội đồng quản trị, ban kiểm sát và Ban Tổng Giám đốc tại ngày lập Báo cáo tài chính:

Hội đồng quản trị

Bà Phạm Thị Hinh	Chủ tịch
Ông Trần Anh Tú	Thành viên
Ông Phạm Xuân Ái	Thành viên
Ông Lâm Hoàng Giang	Thành viên
Ông Phạm Quốc Tuệ	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Kim Thu	Trưởng BKS
Ông Nguyễn Đình Trường	Thành viên
Ông Trần Kiên Cường	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Phạm Thị Hinh	Tổng Giám đốc
------------------	---------------

Các công ty con do Công ty giữ cổ phần chi phối:

STT	Tên Công ty con	Địa chỉ
1	Công ty TNHH Năng lượng xanh KSA	Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận
2	Công ty TNHH MTV Công nghiệp khoáng sản Bình Thuận BTC	Thôn Bàu Diên (Cụm Công nghiệp Thắng Hải), xã Thắng Hải, huyện Hàn Tân, tỉnh Bình Thuận.
3	Công ty TNHH MTV Chế biến Zircon Bình Thuận	Thôn Bàu Diên (Cụm Công nghiệp Thắng Hải), xã Thắng Hải, huyện Hàn Tân, tỉnh Bình Thuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong những năm tiếp theo.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2016

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



PHẠM THỊ HINH



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K

THANGLONG - T.D.K AUDITING AND VALUATION COMPANY

Địa chỉ: Sàn KT-TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT CAHN, P. Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 04 44500668 / Fax: 04 44500669 / Website: www.kiemtoanthanglongtdk.com
Email: thanglongkiemtoan@gmail.com / admin@thanglongtdk.com.vn

Số: 157.1/2016 /BCKT - TC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016
của Công ty Cổ phần Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận, được lập ngày 26 tháng 08 năm 2016, từ trang 05 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tại ngày 30/06/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề nhấn mạnh: Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số V.03 trang 14 như sau: Đối với các khoản Công ty đã ứng trước cho các nhà thầu theo các hợp đồng thi công xây dựng công trình Nhà máy chế biến xỉ

Titan, chúng tôi chưa được cung cấp các Biên bản nghiệm thu tiến độ thực hiện để đối chiếu với thực tế quan sát tại công trình nên không thể đưa nhận xét về giá trị ứng trước nêu trên.

Hà Nội, ngày 30 tháng 08 năm 2016

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K

Phó Tổng Giám đốc



NGUYỄN TRUNG KIÊN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1029-2014-045-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		809.105.588.245	710.384.617.439
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		120.474.798.145	151.284.813.911
1. Tiền	111	V.01	120.474.798.145	151.284.813.911
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		675.183.059.601	546.379.735.361
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	180.890.264.346	73.374.007.663
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	406.088.452.277	404.888.452.277
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		9.285.000.000	22.885.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	79.896.112.674	46.389.847.588
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(976.769.696)	(1.157.572.167)
IV. Hàng tồn kho	140		1.959.725.440	1.024.689.000
1. Hàng tồn kho	141	V.05	1.959.725.440	1.024.689.000
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.488.005.059	11.695.379.167
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		11.488.005.059	11.695.379.167
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		369.542.822.616	370.036.090.194
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		146.000.000	146.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	146.000.000	146.000.000
II. Tài sản cố định	220		108.857.933.065	109.351.200.643
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	3.505.733.065	3.999.000.643
- Nguyên giá	222		8.902.446.358	8.902.446.358
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.396.713.293)	(4.903.445.715)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	105.352.200.000	105.352.200.000
- Nguyên giá	228		105.352.200.000	105.352.200.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		0	0
III. Bất động sản đầu tư	230		0	0
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		22.013.098.283	22.013.098.283
2. Chi phí xây dựng dở dang	242		22.013.098.283	22.013.098.283
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.08	238.525.791.268	238.525.791.268
1. Đầu tư vào công ty con	251		238.525.791.268	238.525.791.268
VI. Tài sản dài hạn khác	260		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.178.648.410.861	1.080.420.707.633

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

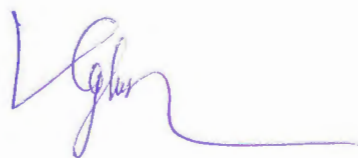
NGUỒN VỐN	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		216.261.117.688	119.967.863.255
I. Nợ ngắn hạn	310		166.987.810.415	55.787.935.982
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09a	160.024.574.241	41.386.072.085
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	46.052.359	7.981.019.553
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	4.396.263.531	3.912.651.332
4. Phải trả người lao động	314		0	60.000.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		72.727.273	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	2.387.633.360	2.387.633.360
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	321		60.559.652	60.559.652
II. Nợ dài hạn	330		49.273.307.273	64.179.927.273
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.09b	34.307.807.273	62.921.927.273
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		14.965.500.000	1.258.000.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		962.387.293.172	960.452.844.378
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	962.387.293.172	960.452.844.378
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		934.273.578.000	934.273.578.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		934.273.578.000	934.273.578.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		849.189.834	849.189.834
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		283.063.278	283.063.278
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		26.981.462.060	25.047.013.266
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		25.047.013.266	25.047.013.266
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.934.448.795	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.178.648.410.861	1.080.420.707.633

Lập ngày 26 tháng 08 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ TUYẾT



VŨ THỊ DIỆU



PHẠM THỊ HINH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

*Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016***BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ***Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016**Đơn vị tính: VND*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.01	159.251.970.395	20.907.344.614
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		159.251.970.395	20.907.344.614
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	155.918.226.495	20.571.788.010
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.333.743.900	335.556.604
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	26.576.571	1.838.735.990
7. Chi phí tài chính	22		0	0
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí bán hàng	25		0	54.700.818
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		942.259.478	1.375.637.743
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.418.060.993	743.954.033
11. Thu nhập khác	31		0	0
12. Chi phí khác	32	VI.04	0	517.480.263
13. Lợi nhuận khác	40		0	(517.480.263)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.418.060.993	226.473.770
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	VI.05	483.612.199	0
16. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.934.448.795	226.473.770
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.06	21,39	6,56
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		0	0

Lập ngày 26 tháng 08 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ TUYẾT



VŨ THỊ DIỆU



PHẠM THỊ HINH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.418.060.993	226.473.770
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	493.267.578	493.267.578
- Các khoản dự phòng	03	(180.802.471)	0
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(26.576.571)	(1.838.735.990)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLĐ	08	2.703.949.529	(1.118.994.642)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(142.015.147.661)	32.296.174.454
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(935.036.440)	0
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thu nhập phải nộp)	11	110.716.262.235	(81.978.926.214)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	0	(4.607.475.968)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	0	(14.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kd	20	(29.529.972.337)	(55.423.222.370)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(28.614.120.000)	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đv khác	24	13.600.000.000	5.000.000.000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	0	45.885.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	26.576.571	13.971.990
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(14.987.543.429)	50.898.971.990
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền thu từ đi vay	33	16.562.500.000	0
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.855.000.000)	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	13.707.500.000	0
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50= 20+30+40)	50	(30.810.015.766)	(4.524.250.380)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	151.284.813.911	4.730.869.903
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	120.474.798.145	206.619.523

Lập ngày 26 tháng 08 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ TUYẾT



VŨ THỊ DIỆU



PHẠM THỊ HINH

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận (sau đây viết tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600802882 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp lần đầu vào ngày 22 tháng 04 năm 2010, thay đổi lần thứ 14 ngày 23 tháng 11 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Vốn điều lệ của Công ty: 934.273.600.000 VND.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Khai thác, kinh doanh kim loại và các quặng kim loại

3. Ngành, nghề kinh doanh :

STT	Tên ngành nghề
1	- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
2	- Khai thác cát đá, sỏi, đất sét;
3	- Hoạt động hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
4	- Bán buôn nhiên liệu rắn lỏng khí và các sản phẩm liên quan
5	- Cho thuê máy móc, thiết bị, đồ dùng hữu hình;
6	- Gia công cơ khí, xử lý và tráng kim loại;
7	- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
8	- Nhà hàng và các dịch vụ phục vụ ăn uống lưu động;
9	- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
10	- Bán buôn thực phẩm
11	- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác

4. Thông tin về các công ty con

STT	Tên Công ty con	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
1	Công ty TNHH Năng lượng xanh KSA	Sản xuất, thương mại, dịch vụ, xây lắp	88%	88%
2	Công ty TNHH MTV Công nghiệp khoáng sản Bình Thuận BTC	Sản xuất và khai thác khoáng sản	100%	100%
3	Công ty TNHH MTV Chế biến Zircon Bình Thuận	Sản xuất, dịch vụ và khai thác khoáng sản	100%	100%

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Kỳ kế toán này bắt đầu từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

1.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

1.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền: Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

3.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

4.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

4.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc

20 năm

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

5.1. Nguyên tắc ghi nhận

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

5.2. Lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn: Dự phòng đầu tư cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\text{Mức dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính} = \left(\begin{array}{l} \text{Vốn góp thực tế} \\ \text{của các bên tại tổ} \\ \text{chức kinh tế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Vốn chủ} \\ \text{sở hữu thực} \\ \text{có} \end{array} \right) \times \frac{\text{Vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng vốn góp thực tế của các} \\ \text{bên tại tổ chức kinh tế}}$$

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là các loại chi phí trả trước nếu chi liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí trả trước dài hạn: Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.
- Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần là phần phụ trội do phát hành cổ phiếu với giá cao hơn (hoặc thấp hơn) so với mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước

Nguyên tắc ghi nhận cổ tức: Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

9. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

10.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

10.2. Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính..

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế suất thuế TNDN 2016 là 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại: Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

13. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016

Các bên liên quan: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
01. Tiền		
- Tiền mặt	371.400.985	9.681.377.071
- Tiền gửi ngân hàng	120.103.397.160	141.603.436.840
- Tiền gửi ngân hàng BIDV	120.103.397.160	141.603.436.840
	54.973.677	11.570.978.092
TienphongBank	120.002.650.177	130.000.000.000
Các ngân hàng khác	45.773.306	32.458.748
Cộng	120.474.798.145	151.284.813.911
02. Phải thu khách hàng		
<i>a, Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	<i>95.759.758.911</i>	<i>33.868.466.885</i>
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển doanh nghiệp Việt Nam	8.418.435.726	0
- Công ty TNHH Tư vấn - TK - XD Phú Hòa	85.613.706.582	3.541.400.282
- Công ty TNHH MTV Chế biến Cát Bình Thuận	341.550.000	28.941.000.000
- Khách hàng khác	1.386.066.603	1.386.066.603
<i>b, Phải thu của khách hàng dài hạn</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
<i>c, Phải thu của khách hàng là bên liên quan</i>	<i>85.130.505.435</i>	<i>39.505.540.778</i>
- Công ty CP Khoáng sản và VLXD Gia Lai	74.645.599.045	29.838.717.194
- Công ty CP Khai thác và chế biến Khoáng sản Yên Bái	1.718.082.806	0
- Công ty CP Khoáng sản Hòa Bình	8.766.823.584	9.666.823.584
Cộng	180.890.264.346	73.374.007.663
03. Trả trước cho người bán		
<i>a, Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	<i>390.088.452.277</i>	<i>388.888.452.277</i>
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thu	80.400.000.000	80.400.000.000
- Ứng trước thi công xây dựng nhà máy Titan	300.000.000.000	300.000.000.000
+ Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Ngôi nhà đầu tiên	80.000.000.000	80.000.000.000
+ Công ty TNHH Hạnh Vân	70.000.000.000	70.000.000.000
+ Công ty TNHH Tư vấn - TK - XD Phú Hòa	150.000.000.000	150.000.000.000
- KEEN STEP SHIPPING LTD	2.145.000.000	2.145.000.000
- Các đối tượng khác	7.543.452.277	6.343.452.277
<i>b, Trả trước cho người bán dài hạn</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
<i>c, Trả trước cho người bán là bên liên quan</i>	<i>16.000.000.000</i>	<i>16.000.000.000</i>
- Công ty TNHH Năng Lượng Xanh KSA	16.000.000.000	16.000.000.000
Cộng	406.088.452.277	404.888.452.277

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016

04. Phải thu khác	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	79.896.112.674	283.736.395	46.389.847.588	741.752.187
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia;	1.036.464.000	0	1.036.464.000	0
- Tạm ứng	77.000.000.000	0	40.315.568.248	0
- Ký cược, ký quỹ;	19.220.000	0	19.220.000	0
- Phải thu khác.	1.840.428.674	283.736.395	5.018.595.340	741.752.187
+ Lê Thị Phương Dung	0	0	3.178.166.666	539.083.333
+ Các đối tượng khác	1.840.428.674	283.736.395	1.840.428.674	202.668.854
b) Dài hạn	146.000.000	0	146.000.000	0
- Ký cược, ký quỹ;	146.000.000	0	146.000.000	0
Cộng	80.042.112.674	283.736.395	46.535.847.588	741.752.187

05. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	900.000.000	0	900.000.000	0
- Hàng hóa	1.059.725.440	0	124.689.000	0
Cộng	1.959.725.440	0	1.024.689.000	0

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016

06. Tình hình tăng, giảm TSCĐ hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<i>I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình</i>					
Số dư đầu kỳ	7.969.338.946	610.436.755	277.549.607	45.121.050	8.902.446.358
Số dư cuối kỳ	7.969.338.946	610.436.755	277.549.607	45.121.050	8.902.446.358
<i>II. Giá trị hao mòn lũy kế</i>					
Số dư đầu kỳ	3.970.338.303	610.436.755	277.549.607	45.121.050	4.903.445.715
- Khấu hao trong năm	493.267.578	0	0	0	493.267.578
Số dư cuối kỳ	4.463.605.881	610.436.755	277.549.607	45.121.050	5.396.713.293
<i>III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH</i>					
- Tại ngày đầu năm	3.999.000.643	0	0	0	3.999.000.643
- Tại ngày cuối năm	3.505.733.065	0	0	0	3.505.733.065

07. Tình hình tăng, giảm TSCĐ vô hình

Khoản mục	Giá trị Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
<i>I. Nguyên giá TSCĐ vô hình</i>		
Số dư đầu năm	105.352.200.000	105.352.200.000
Số dư cuối năm	105.352.200.000	105.352.200.000
<i>II. Giá trị hao mòn lũy kế</i>		
Số dư đầu năm	0	0
Số dư cuối năm	0	0
<i>III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình</i>		
- Tại ngày đầu năm	105.352.200.000	105.352.200.000
- Tại ngày cuối năm	105.352.200.000	105.352.200.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016

08. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	GT hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	GT hợp lý	Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh	0	0	0	0	0	0
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	0	0	0	0	0	0
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	GT hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	GT hợp lý
- Đầu tư vào công ty con	238.525.791.268	0	238.525.791.268	238.525.791.268	0	238.525.791.268
+ Công ty TNHH MTV Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận BTC (tỷ lệ sở hữu 100%)	174.104.379.725	0	174.104.379.725	174.104.379.725	0	174.104.379.725
+ Công ty TNHH MTV Chế biến Zircon Bình Thuận (tỷ lệ sở hữu 100%)	33.614.295.178	0	33.614.295.178	33.614.295.178	0	33.614.295.178
+ Công ty TNHH Năng lượng xanh KSA (tỷ lệ sở hữu 88%)	30.807.116.365	0	30.807.116.365	30.807.116.365	0	30.807.116.365
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết;	0	0	0	0	0	0
- Đầu tư vào đơn vị khác;	0	0	0	0	0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

*Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016***09. Phải trả người bán**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn	160.024.574.241	160.024.574.241	41.386.072.085	41.386.072.085
- Công ty TNHH MTV Chế biến Zircon Bình Thuận	16.011.994.426	16.011.994.426	16.011.994.426	16.011.994.426
- Công ty cổ phần KT và CB khoáng sản Yên Bái	8.712.066.000	8.712.066.000	0	0
- Công ty CP Khoáng sản luyện kim màu	110.136.193.861	110.136.193.861	19.830.313.950	19.830.313.950
- Công ty TNHH Nguyên liệu Gốm sứ - Xây dựng Thiên Lợi	1.505.500.000	1.505.500.000	1.505.500.000	1.505.500.000
- Công ty TNHH Tư vấn - TK - XD Phú Hòa	21.864.426.000	21.864.426.000	0	0
- Công ty TNHH TM DV Đại Việt	1.419.233.604	1.419.233.604	3.395.023.359	3.395.023.359
- Các đối tượng khác	375.160.350	375.160.350	643.240.350	643.240.350
b) Phải trả người bán dài hạn	34.307.807.273	34.307.807.273	62.921.927.273	62.921.927.273
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thu	34.307.807.273	34.307.807.273	62.921.927.273	62.921.927.273
Cộng	194.332.381.514	194.332.381.514	104.307.999.358	104.307.999.358
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	0	0	0	0
d) Phải trả người bán là các bên liên quan	16.011.994.426	16.011.994.426	16.011.994.426	16.011.994.426
- Công ty TNHH MTV Chế biến Zircon Bình Thuận	16.011.994.426	16.011.994.426	16.011.994.426	16.011.994.426
- Công ty cổ phần KT và CB khoáng sản Yên Bái	8.712.066.000	8.712.066.000	0	0
- Công ty CP Khoáng sản luyện kim màu	110.136.193.861	110.136.193.861	19.830.313.950	19.830.313.950

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016

10. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	46.052.359	46.052.359	7.981.019.553	7.981.019.553
- Công ty TNHH Hoàng Thiên	46.052.339	46.052.339	46.052.339	46.052.339
- Công ty cổ phần KT và CB khoáng sản Yên Bái	0	0	7.934.967.194	7.934.967.194
- Các đối tượng khác	20	20	20	20
b) Người mua trả tiền trước dài hạn	0	0	0	0
Cộng	46.052.359	46.052.359	7.981.019.553	7.981.019.553
c) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	0	0	7.934.967.194	7.934.967.194
- Công ty cổ phần KT và CB khoáng sản Yên Bái	0	0	7.934.967.194	7.934.967.194

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016

11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
a, Phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng	0	0	0	0
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.815.271.191	483.612.199	0	3.298.883.390
- Thuế thu nhập cá nhân	963.856.382	0	0	963.856.382
- Thuế khác	133.523.759	0	0	133.523.759
Cộng	3.912.651.332	483.612.199	0	4.396.263.531
b, Phải thu				
Cộng	0	0	0	0

12. Các khoản phải trả, phải nộp khác**a, Ngắn hạn**

- Cơ quan Bảo hiểm xã hội
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thuận
- Phải trả khác

b, Dài hạn**Cộng***Số cuối kỳ**Số đầu năm*2.387.633.3602.387.633.360

0

1.377.633.360

1.377.633.360

1.010.000.000

1.010.000.000

0

0

2.387.633.3602.387.633.360

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

*Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016***13. Vốn chủ sở hữu***a, Bảng đối chiếu vốn chủ sở hữu*

Nội dung	CÁC KHOẢN MỤC THUỘC VỐN CHỦ SỞ HỮU				
	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	373.709.418.000	849.189.834	283.063.278	23.567.885.397	398.409.556.509
- Tăng vốn trong năm trước	560.564.160.000	0	0	0	560.564.160.000
- Lãi trong năm trước	0	0	0	1.479.127.869	1.479.127.869
Số dư đầu năm	934.273.578.000	849.189.834	283.063.278	25.047.013.266	960.452.844.378
- Lãi trong kỳ này	0	0	0	1.934.448.795	1.934.448.795
Số dư cuối kỳ này	934.273.578.000	849.189.834	283.063.278	26.981.462.060	962.387.293.172

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016**b- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	934.273.578.000	373.709.418.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	0	560.564.160.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ	0	0
+ Vốn góp cuối kỳ	934.273.578.000	934.273.578.000

c- Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	90.247.360	90.247.360
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành	90.247.360	90.247.360
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	90.247.360	90.247.360
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	90.247.360	90.247.360
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	90.247.360	90.247.360
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phiếu

d- Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	849.189.834	849.189.834
- Quỹ dự phòng tài chính	283.063.278	283.063.278
Cộng	1.132.253.112	1.132.253.112

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

Đơn vị tính: VND

	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</u>
01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
a, Doanh thu	159.251.970.395	20.907.344.614
- Doanh thu cung cấp bán hàng	159.251.970.395	20.907.344.614
Cộng	159.251.970.395	20.907.344.614
b) Doanh thu đối với các bên liên quan	67.875.905.475	60.433.779.940
- Công ty CP Khoáng sản và VLXD Gia Lai	40.733.528.955	35.914.127.980
- Công ty cổ phần KT và CB khoáng sản Yên Bái	27.142.376.520	24.519.651.960
02. Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn của hàng đã bán	155.918.226.495	20.571.788.010
Cộng	155.918.226.495	20.571.788.010

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016

	<i>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</i>	<i>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</i>
03. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi, lãi cho vay	26.576.571	13.971.990
- Lãi bán cổ phiếu của Công ty cp Đầu tư và Phát triển Bảo Thu	0	788.300.000
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	0	1.036.464.000
Cộng	26.576.571	1.838.735.990
04. Chi phí khác		
- Tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế	0	517.480.263
Cộng	0	517.480.263
05. Chi phí thuế TNDN hiện hành		
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.418.060.993	226.473.770
- Thu nhập miễn thuế	0	1.036.464.000
- Chi phí bị loại trừ khi tính thuế	0	517.480.263
- Thu nhập chịu thuế	2.418.060.993	(292.509.967)
- Thuế TNDN phải nộp	483.612.199	0
06. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	1.934.448.795	226.473.770
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	0	0
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ	0	0
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ (*)	90.427.360	34.539.846
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21,39	6,56

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2015 đã được soát xét và Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định Giá Thăng Long – T.D.K.

2. Thông tin về các bên liên quan

2.1. Bên liên quan

STT	Bên Liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty CP Khoáng sản và VLXD Gia Lai	Bà Phạm Thị Hinh là Chủ tịch HĐQT
2	Công ty CP KT và CB khoáng sản Yên Bái	Ông Trần Anh Tú là Chủ tịch HĐQT
3	Công ty CP Khoáng sản luyện kim màu	Ông Lâm Hoàng Giang và Ông Trần Anh Tú là thành viên HĐQT
4	Công ty CP Khoáng sản Hòa Bình	Bà Phạm Thị Hinh là Chủ tịch HĐQT
5	Công ty TNHH MTV Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận BTC	Công ty con
6	Công ty TNHH MTV Chế biến Zircon Bình Thuận	Công ty con
7	Công ty TNHH Năng lượng xanh KSA	Công ty con

2.2. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan	Nội dung giao dịch	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
Công ty CP Khoáng sản và VLXD Gia Lai	Bán hàng	44.806.881.851	0
Công ty CP KT và CB khoáng sản Yên Bái	Bán hàng	29.856.614.172	0
Công ty CP KT và CB khoáng sản Yên Bái	Thu tiền bán hàng	20.203.564.172	0
Công ty CP KT và CB khoáng sản Yên Bái	Mua hàng	8.712.066.000	0
Công ty CP Khoáng sản Hòa Bình	Thu tiền bán hàng	900.000.000	0
Công ty CP Khoáng sản luyện kim màu	Mua hàng	118.431.248.495	0
Công ty CP Khoáng sản luyện kim màu	Trả tiền mua hàng	28.125.368.584	0
Lâm Hoàng Giang	Tạm ứng	50.000.000.000	0
Lâm Hoàng Giang	Hoàn ứng	50.000.000.000	0
Phạm Quốc Tuệ	Tạm ứng	50.000.000.000	0
Phạm Quốc Tuệ	Hoàn ứng	50.000.000.000	0
Trần Anh Tú	Tạm ứng	20.000.000.000	0

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP KHOÁNG SẢN BÌNH THUẬN

Địa chỉ: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2016**2.3. Số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan	Nội dung	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP Khoáng sản và VLXD Gia Lai	Phải thu khách hàng	74.645.599.045	29.838.717.194
Công ty CP Khai thác và chế biến Khoáng sản Yên Bái	Phải thu khách hàng	1.718.082.806	0
Công ty CP Khoáng sản Hòa Bình	Phải thu khách hàng	8.766.823.584	9.666.823.584
Công ty TNHH Năng Lượng Xanh KSA	Trả trước cho người bán	16.000.000.000	16.000.000.000
Công ty TNHH MTV Chế biến Zircon Bình Thuận	Phải trả người bán	16.011.994.426	16.011.994.426
Công ty cổ phần KT và CB khoáng sản Yên Bái	Phải trả người bán	8.712.066.000	0
Công ty CP Khoáng sản luyện kim màu Trần Anh Tú	Phải trả người bán	110.136.193.861	19.830.313.950
	Tạm ứng	20.000.000.000	0

3. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc trong kỳ là: 84.000.000 VND.

Người lập biểu


NGUYỄN THỊ TUYẾT

Kế toán trưởng


VŨ THỊ DIỆU

Lập ngày 26 tháng 08 năm 2016

Tổng Giám đốc


PHẠM THỊ HINH